

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2019/HS - ST

Ngày: 31/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoan

Bà Hoàng Thị Xuân Hường

- *Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 244/2019/TLST- HS ngày 03 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2019/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐẶNG N**, sinh năm 1984 tại Nam Định.

Nơi cư trú: H, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp Không; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc H và bà Đoàn Thị T; có vợ: Trần Thị Bích G; 01 con 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/8/2019. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Phạm Văn Đ – Sinh năm 1992

HKTT: Hải Đông, Hải Hậu, Nam Định. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Ngô Phương O – Sinh năm 1957

Trú tại: Số C đường D, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Thu B – Sinh năm 1980

Trú tại: Số X đường Y, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng N là nhân viên của cửa hàng mua bán xe máy cũ tại số U Khương Đình, Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội do anh Phạm Văn Đ làm chủ. Anh Đ ủy quyền cho N có nhiệm vụ trông coi, quản lý, trao đổi mua bán xe máy cũ tại cửa hàng, hai bên thỏa thuận bằng miệng mọi việc mua bán xe máy phải ghi vào sổ giao dịch tại cửa hàng để anh Đ kiểm tra. Hàng ngày anh Đ đưa cho N khoảng 30.000.000đ đến 50.000.000đ để N duy trì giao dịch mua bán xe máy. Trong quá trình làm việc tại cửa hàng, N đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Đ gây ra 02 vụ chiếm đoạt tài sản của anh Đ, cụ thể.

Vụ thứ nhất: Ngày 16/07/2018 N mua của anh Bùi Huy L chiếc xe máy Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1 – 002.88 với giá là 15.000.000 đồng. N lấy tiền của cửa hàng mà anh Đ đã giao cho trước đó để trả tiền mua xe cho anh L rồi vào sổ theo dõi của cửa hàng. Đến ngày 05/8/2019 N đã mang chiếc xe máy trên cùng 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị Tuyết Mai có số 022566 và 01 chứng minh thư nhân mang tên Đặng N đến cửa hàng cầm đồ tại số C Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội cầm cố cho bà Ngô Phương O được 15.000.000đ, đến ngày 18/08/2018, N lại đến cửa hàng cầm đồ của bà Ngô Phương O vay thêm 4.000.000đ, tổng cộng 19.000.000đồng. Toàn bộ số tiền trên N đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Ngày 06/08/2018 N mua của anh Vũ Văn W chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen bạc, BKS: 17B6 – 103.95 với giá là 5.500.000 đồng. N lấy tiền của cửa hàng mà anh Đ đã giao cho trước đó để trả tiền mua xe cho anh W rồi vào sổ theo dõi của cửa hàng. Ngày 25/08/2018 N đã mang chiếc xe này cùng 01 đăng ký xe máy số 018600 mang tên Vũ Văn Bình và 01 bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246 đến cửa hàng cầm đồ số Y, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội cầm cố cho chị Nguyễn Thị Thu B được 6.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên N đã tiêu xài cá nhân hết.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo N 01 chứng minh thư nhân mang tên Đặng N; 01 bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246.

Tại cơ quan điều tra Đặng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Căn cứ biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Quận Thanh Xuân số 230/BBĐG ngày 15/10/2019, định giá 01 chiếc xe máy Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1 - 002.88 số máy 0027646;

số khung 0027646 xe đã qua sử dụng có giá 15.000.000đồng; 01 chiếc xe máy Honda Wave anpha màu đen BKS: 17B6-103.95, số máy C12E5214383; số khung 1213DY214140, xe đã qua sử dụng có giá 6.000.000đồng. Tổng giá trị của hai tài sản trên là 21.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thừa nhận việc bị truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị hại là anh Phạm Văn Đ đã nhận lại tài sản do cơ quan điều tra trao trả là chiếc xe máy Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1 - 002.88 số máy 0027646; số khung 0027646, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Tuyết Mai và chiếc xe Honda Wave Alpha màu đen BKS: 17B6-103.95, số máy C12E5214383; số khung 1213DY214140, đăng ký xe mang tên Vũ Văn Bính. Anh Đ không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và không có đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi N vụ liên quan bà O đã được bị cáo N bồi thường số tiền 10.000.000đồng trước khi xét xử, bà O không yêu cầu N phải bồi thường nốt số tiền còn lại và không có đề nghị gì, yêu cầu gì khác. Chị B không có yêu cầu, đề nghị N phải bồi thường số tiền 6.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 214/CT-VKSTX ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đặng N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đã nêu, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 chứng minh thư nhân mang tên Đặng N; 01 bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246. Đối với số tiền 6.000.000đồng bị cáo nhận từ việc đặt xe cho chị B và 9.000.000đồng nhận từ việc đặt xe cho bà O, chị B và bà O không yêu cầu nhưng xét đây là số tiền do bị cáo được hưởng lợi từ hành vi phạm tội mà có cho nên buộc bị cáo phải truy nộp hai khoản tiền này là 15.000.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng.

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng N công nhận nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Qua xét hỏi và tranh luận bị cáo khai nhận hành vi phạm tội hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi N vụ liên quan, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản, phù hợp với tang vật, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/7/2018 đến ngày 06/8/2018 Đặng N được bị hại tin tưởng giao quản lý tài sản nhưng bị cáo đã lợi dụng lòng tin, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1 – 002.88 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen BKS: 17B6 – 103.95 tổng giá trị của hai tài sản trên là 21.000.000đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Đặng N đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự 2015.

Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố bị cáo Đặng N để xét xử theo tội danh đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bản thân bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức pháp luật đầy đủ nhưng do lười lao động, ham chơi không chịu tu dưỡng bản thân, thích hưởng lợi bằng cách việc chiếm đoạt tài sản của người khác nên cần thiết phải xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy vậy, khi lượng hình có xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Đối với bà Ngô Phương O khi nhận cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1- 002.88; chị Nguyễn Thị Thu B khi nhận cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen bạc, BKS: 17B6 - 103.95 của bị cáo, về ý thức chủ quan, khi nhận cầm cố bà O, chị B đều không biết đó là tang vật vụ án. Cơ quan công an ra quyết định xử phạt hành chính đối với bà O, chị B theo Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Do vậy HĐXX không xem xét.

[4] Phân trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra, bị hại đã được nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét. Đối với người có quyền lợi N vụ liên quan bà Ngô Phương O đã được bị cáo trả số tiền 10.000.000đồng trong tổng số tiền vay 19.000.000đồng, bà O không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại. Chị Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 9.000.000đồng bị cáo nhận từ việc cầm cố xe cho bà O và 6.000.000đồng bị cáo nhận từ việc cầm cố xe cho chị B; mặc dù bà O, chị B không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nhưng xét đây là số tiền do bị cáo được hưởng lợi từ hành vi phạm tội mà có cho nên buộc bị cáo phải truy nộp hai khoản tiền này là 15.000.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng: Trả lại Đặng N lại 01 chứng minh thư nhân mang tên Đặng N; 01 bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo **Đặng N** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2/ Áp dụng: khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng N** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải truy nộp số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng chẵn) là tiền hưởng lợi bất chính do hành vi phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

4/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Đặng N 01 CMND mang tên Đặng N có số 162664276; 01 bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246.

Hiện các vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2019.

5/ Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng: Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, danh mục án phí kèm theo. Mục 1 phần I danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Bị cáo Đặng N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Công an quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thoa

VIỆN KSND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VIỆN KSND QUẬN THANH XUÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../CT-VKSTX

Thanh Xuân, ngày tháng năm 2019

CÁO TRẠNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Căn cứ các điều 41, 236, 239 và 243 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 259 ngày 12 tháng 08 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 257 ngày 22 tháng 08 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân đối với Đặng N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Bản kết luận điều tra số 214 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân.

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Đặng N là nhân viên của cửa hàng mua bán xe máy cũ tại số U Khương Đình, Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội do anh Phạm Văn Đ làm chủ. Anh Đ ủy quyền cho N có nhiệm vụ trông coi, quản lý, trao đổi mua bán xe máy cũ tại cửa hàng. Mọi việc mua bán xe máy phải ghi vào sổ giao dịch tại cửa hàng để anh Đ kiểm tra. Anh Đ đưa cho N khoảng 30.000.000đ đến 50.000.000đ để N duy trì giao dịch mua bán xe máy hàng ngày. Trong quá trình làm việc tại cửa hàng, N đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Đ để gây ra 02 vụ chiếm đoạt tài sản của anh Đ. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 16/07/2018, khi N đang ở cửa hàng tại địa chỉ 258 Khương Đình thì anh Bùi Huy L đi chiếc xe máy Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1 – 002.88 (qua định giá là 15.000.000 đồng) và nói muốn bán chiếc xe máy trên. Sau khi xem xe, kiểm tra số khung, số máy trùng với số khung, số máy được ghi trên đăng ký xe, N đồng ý mua và hai bên thống nhất giá là 15.000.000 đồng. N lấy tiền của cửa hàng mà anh Đ đã giao cho trước đó để trả tiền mua xe cho anh L rồi vào sổ theo dõi của cửa hàng. Đến ngày 05/8/2019, khi đang ở cửa hàng mua bán xe máy số U Khương Đình, N nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1 – 002.88 để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N đã mang chiếc xe máy trên cùng 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị Tuyết Mai có số 022566 và 01 chứng minh thư nhân mang tên Đặng N đến cửa hàng cầm đồ tại số C Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội cầm cố cho chị Ngô Phương O được 15.000.000đ. Đến khoảng 11 giờ ngày 18/08/2018, N lại đến cửa hàng cầm đồ của chị Ngô Phương O vay thêm 4.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên N đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện ra sự việc, anh Phạm Văn Đ đến cơ quan công an để trình báo (BL 21).

Cơ quan Công an thu giữ của chị Ngô Phương O: (BL 134)

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1-002.88;

- 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị Tuyết Mai có số 022566;

- 01 CMND mang tên Đặng N có số 162664276.

Tại cơ quan điều tra, Đặng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy nhãn hiệu Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1-002.88 cùng 01 đăng ký xe máy cho anh Phạm Văn Đ. Anh Đ đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với chị Ngô Phương O, về ý thức chủ quan, khi nhận cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda PCX, màu nâu đen, BKS: 29B1-002.88, không biết đó là tang vật vụ án. Chị O yêu cầu N trả lại cho mình số tiền 19.000.000đ. Tuy nhiên, chị O lại nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó. Do vậy, cơ quan công an ra quyết định xử phạt hành chính đối với chị O theo Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Vụ thứ hai: Ngày 06/08/2018, khi N đang ở cửa hàng tại địa chỉ 258 Khương Đình thì anh Vũ Văn W đi chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen – bạc, BKS: 17B6 – 103.95 (qua định giá là 6.000.000 đồng) và nói muốn bán chiếc xe máy trên. Sau khi xem xe, kiểm tra số khung, số máy trùng với số khung, số máy được ghi trên đăng ký xe, N đồng ý mua và hai bên thống nhất giá là 5.500.000 đồng. N lấy tiền của cửa hàng mà anh Đ đã giao cho trước đó để trả tiền mua xe cho anh W rồi vào sổ theo dõi của cửa hàng. Ngày 25/08/2018, khi đang ở cửa hàng mua bán xe máy số U Khương Đình, N nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã mang chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen – bạc, BKS: 17B6 – 103.95 cùng 01 đăng ký xe máy số 018600 mang tên Vũ Văn Bính và 01 bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246 đến cửa hàng cầm đồ số Y, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội cầm cố cho chị Nguyễn Thị Thu B được 6.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện ra sự việc, anh Phạm Văn Đ đến cơ quan công an để trình báo.

Cơ quan Công an thu giữ của chị Nguyễn Thị Thu B (BL 138)

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen – bạc, BKS: 17B6 – 103.95;
- 01 đăng kí xe máy số 018600 mang tên Vũ Văn Bính;
- 01 bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246.

Tại cơ quan điều tra, Đặng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen – bạc, BKS: 17B6 – 103.95 cùng 01 đăng ký xe máy cho anh Phạm Văn Đ. Anh Đ đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với chị Nguyễn Thị Thu B, về ý thức chủ quan, khi nhận cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen – bạc, BKS: 17B6 – 103.95 không biết đó là tang vật vụ án. Chị B không có yêu cầu, đề nghị gì. Tuy nhiên, chị B lại nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó. Do vậy, cơ quan công an ra quyết định xử phạt hành chính đối với chị B theo Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

KẾT LUẬN

Ngày 05/8/2018, Đặng N có hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt 01 xe máy Honda PCX, màu nâu - đen, BKS: 29B1-002.88 trị giá 15.000.000đ anh Phạm Văn Đ tại số U Khương Đình, Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.

Ngày 25/8/2018, Đặng N có hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt và 01 xe máy Honda Wave Alpha, màu đen – bạc, BKS: 17B6 – 103.95 trị giá 6.000.000đ của anh Phạm Văn Đ tại số U Khương Đình, Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.

Như vậy, tổng số tài sản mà Đặng N chiếm đoạt trị giá 21.000.000đ.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định bị can có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

Họ và tên: Đặng N SN: 1984
ĐKHKTT: 12/18 Đặng Xuân Viện, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Chỗ ở: 12/18 Đặng Xuân Viện, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Không Trình độ văn hoá: 12 /12
Con ông: Đặng Ngọc Hải (SN: 1943) Con bà : Đoàn Thị Tình (SN: 1944)
Vợ: Trần Thị Bích Hương (SN 1989)
Bị can có 01 con 04 tuổi.
Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can hiện tại ngoại. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hành vi nêu trên của Đặng N đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều

168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

Đặng N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự, chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để xét xử đối với bị can Đặng N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

2. Kèm theo Cáo trạng có:

- Hồ sơ vụ án gồm có: 01 tập, bằng tờ; đánh số thứ tự từ đến

Vật chứng: 01 CMND mang tên Đặng N có số 162664276; 01

bằng lái xe ô tô nước ngoài có ảnh của Đặng N mặt sau bằng có số 7721519246.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân;
- Viện KSND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT – Công an quận Thanh Xuân;
- Bị can;
- Lưu: HSVA, HSKS, VP.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Minh Hà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều

260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

